

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Khi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Ngọc Quý

Bà Hoàng Thị Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1996. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn B được tự do, tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 03 tháng 11 năm 2015. Quá trình chung sống với nhau ban đầu hạnh phúc và có 01 người con chung. Từ năm 2019, anh Hoàng Văn B nghiện ma túy, đã uống thuốc cai nghiện và cùng hai bên gia đình nội ngoại làm cam kết không tái

phạm, tuy nhiên anh Hoàng Văn B không bỏ được và vẫn tái phạm nhiều lần. Vợ chồng cùng đi làm công nhân nhưng anh Hoàng Văn B chỉ mãi chơi bời, nghiện ngập nên cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai bên không có tiếng nói chung. Đến tháng 8/2024, anh Hoàng Văn B về quê, chị đã nói chuyện với bố mẹ chồng về việc cho chồng 02 tháng để thay đổi, tu chí làm ăn còn chị tiếp tục đi làm công ty. Tuy nhiên, anh Hoàng Văn B không thay đổi, vẫn chứng nào tật ấy. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị Hoàng Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung là Hoàng Phương T1, sinh ngày 06/7/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh Hoàng Văn B tại thôn Đ, xã H, huyện B. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị T yêu cầu anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Hoàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị T được tự do, tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 03 tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống tại thôn Đ, xã H, huyện B. Quá trình chung sống với nhau ban đầu rất hạnh phúc. Sau đó do hoàn cảnh sống nên hai vợ chồng cùng đi làm công nhân và chị T vẫn thường xuyên về gia đình. Giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn, không có đánh đập. Do tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung là Hoàng Phương T1, sinh ngày 06/7/2015. Hiện nay con chung đang do anh nuôi dưỡng tại thôn Đ, xã H, huyện B. Nếu phải ly hôn, anh Hoàng Văn B đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Và đồng ý để chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện gia đình là bà Lương Thị L (mẹ đẻ anh Hoàng Văn B) trình bày: Anh Hoàng Văn B và chị Hoàng Thị T kết hôn năm 2015. Sau khi kết hôn, chị Hoàng Thị T đi làm công ty ít khi ở nhà. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì báo chính quyền địa phương. Tuy nhiên, anh Hoàng Văn B nghiện ma túy, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần và đã làm đơn yêu cầu cho anh Hoàng Văn B đi cai nghiện nhưng hiện chưa đi được. Gia đình vẫn liên tục khuyên bảo để anh Hoàng Văn B sớm cai nghiện. Vợ chồng có 01 người con chung là Hoàng

Phương T1, sinh năm 2015, hiện đang sống với bố và ông bà tại thôn Đ, xã H, huyện B. Hiện nay, cháu do ông bà và bố trực tiếp chăm sóc, còn chị Hoàng Thị T đi làm công ty và mấy tháng gần đây không còn gửi tiền về chăm con.

Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn Đ, xã H, huyện B cho biết: Vợ chồng anh Hoàng Văn B và chị Hoàng Thị T kết hôn và sinh sống cùng bố mẹ tại thôn Đ, xã H, huyện B. Quá trình chung sống không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì báo chính quyền địa phương, anh Hoàng Văn B là người nghiện ma túy. Chị Hoàng Thị T đi làm công ty chỉ thỉnh thoảng mới về.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải và phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật HNGĐ; khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Hoàng Văn B. Về con chung: Giao cháu Hoàng Phương T1, sinh ngày 16/7/2015 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị T phải cấp dưỡng hàng tháng (số tiền cấp dưỡng: 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu Hoàng Phương T1 đủ 18 tuổi. Chị T có quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Hoàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn chỉ có mặt tại Tòa án để ghi bản khai và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án còn lại. Tại biên bản lấy lời khai anh Hoàng Văn B cho biết đã được người nhà thông báo toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án, do đi làm ăn xa nên không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Theo biên bản xác minh tại địa phương và đại diện gia đình xác nhận anh Hoàng Văn B vẫn có hộ khẩu tại địa phương, hiện nay đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về địa phương, có liên lạc với gia đình, gia đình đã nhận thay văn bản và đã thông báo cho anh Hoàng Văn B. Quá trình giải quyết đã tổng đạt đầy đủ, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt các đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn B được tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai người làm chứng và kết quả xác minh của Tòa án nên có căn cứ xác định: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Hoàng Văn B nghiện ma túy trong thời gian dài từ năm 2019 đến nay, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng vẫn tái phạm, thường xuyên chơi bời, không tu chí làm ăn. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nhất trí ly hôn và có mong muốn đoàn tụ, Tòa án đã triệu tập các đương sự để tổ chức hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do thể hiện việc không mong muốn đoàn tụ gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung là Hoàng Phương T1, sinh ngày 06/7/2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn B đều có ý kiến để con chung cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cũng là nguyện vọng của con muốn ở với bố. Anh Hoàng Văn B đang làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng, nhà ở gần trường học, việc đi lại dễ dàng. Chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03 năm 2025 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Hoàng Thị T phải chịu lãi suất chậm trả và có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên chị Hoàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Phương T1, sinh ngày 06/7/2015 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03 năm 2025 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- UBND xã Hoa Thám, H. Bình Gia,
- T. Lạng Sơn (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Khi